

V/v xây dựng, đăng ký, ban hành mẫu  
hợp đồng mua bán điện

Kính gửi:

- Các Tổng công ty Điện lực;
- Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Tập đoàn) nhận được văn bản số 1326/BCT-ĐTĐL ngày 24/02/2025 của Bộ Công Thương hướng dẫn về hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt (đính kèm). Triển khai thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại văn bản trên, Tập đoàn yêu cầu:

1. Các Tổng công ty Điện lực căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Điện lực, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện, các Thông tư của Bộ Công Thương trong lĩnh vực điện lực và các quy định pháp luật khác có liên quan tại Phụ lục 1 (đính kèm), văn bản số 1326/BCT-ĐTĐL ngày 24/02/2025 của Bộ Công Thương, tham khảo các mẫu hợp đồng mua bán điện tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 (đính kèm) và trên cơ sở đặc thù của từng đơn vị để thực hiện các nội dung như sau:

- Đối với Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt: xây dựng, đăng ký hợp đồng theo mẫu theo quy định; ban hành mẫu Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt sau khi hoàn thành đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

- Đối với Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt: xây dựng, ban hành mẫu Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt.

- Báo cáo Tập đoàn kết quả thực hiện.

2. Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin phối hợp với các Tổng công ty Điện lực cập nhật mẫu hợp đồng mua bán điện do các Tổng công ty Điện lực ban hành trên 02 phân hệ: Cấp điện và Quản lý thực hiện hợp đồng mua bán điện của hệ thống CMIS.

Tập đoàn yêu cầu các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện, hoàn thành chậm nhất vào ngày 20/3/2025./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Cục Điện lực (để b/c);
- HĐTV (để b/c);
- PTGD Võ Quang Lâm;
- Ban PC, VTCNTT, TT;
- Lưu: VT, KD.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Anh Tuấn**

**PHỤ LỤC 1**  
**CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH**  
**HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN**

**A. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Bộ luật Dân sự;
- Luật Điện lực;
- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Luật Thủ đô;
- Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện;
- Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;
- Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;
- Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;
- Thông tư số 07/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định về thực hiện quản lý nhu cầu điện;
- Thông tư số 13/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định xác định tiền điện thanh toán trong các trường hợp thiết bị đo đếm điện không chính xác, ngừng hoạt động hoặc bị mất.
- Các Thông tư của Bộ Công Thương trong lĩnh vực điện lực và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**B. MỘT SỐ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN**

**I. Bộ luật Dân sự**

***Điều 398. Nội dung của hợp đồng***

1. Các bên trong hợp đồng có quyền thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng.
2. Hợp đồng có thể có các nội dung sau đây:
  - a) Đối tượng của hợp đồng;

- b) Số lượng, chất lượng;
- c) Giá, phương thức thanh toán;
- d) Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;
- đ) Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;
- g) Phương thức giải quyết tranh chấp.

#### **Điều 405. Hợp đồng theo mẫu**

1. Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu mà bên đề nghị đã đưa ra.

Hợp đồng theo mẫu phải được công khai để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng.

Trình tự, thể thức công khai hợp đồng theo mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó.

3. Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản miễn trách nhiệm của bên đưa ra hợp đồng theo mẫu, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên kia thì điều khoản này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

## **II. Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành**

### **1. Luật Điện lực**

#### **Điều 44. Hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ điện**

1. Hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ điện phải được xác lập bằng văn bản giấy hoặc hình thức thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản theo quy định của pháp luật.

...

3. Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Thông tin của các bên trong hợp đồng bao gồm: tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có);
- b) Tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ và địa chỉ sử dụng điện;
- c) Giá bán lẻ điện, phương thức và thời hạn thanh toán;

- d) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- đ) Trách nhiệm bảo vệ thông tin của bên mua điện;
- e) Trường hợp chấm dứt thực hiện hợp đồng và trách nhiệm phát sinh do chấm dứt thực hiện hợp đồng;
- g) Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự;
- h) Phương thức giải quyết tranh chấp;
- i) Thời điểm giao kết hợp đồng, thời hạn của hợp đồng;
- k) Thỏa thuận phạt vi phạm;
- l) Nội dung khác do hai bên thỏa thuận.

4. Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích ngoài sinh hoạt có nội dung do các bên thỏa thuận. Bên mua điện có trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng quy định tại Điều 57 của Luật này. Trường hợp khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ trung bình tháng lớn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của các bên.

**Điều 48. Thanh toán tiền điện trong hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện**

1. Thanh toán tiền điện theo hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện phục vụ mục đích sinh hoạt được quy định như sau:

a) Tiền điện được thanh toán theo phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện; bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho bên bán điện tương ứng với thời gian chậm trả;

b) Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật về dân sự;

c) Bên bán điện thu thừa tiền điện phải hoàn trả cho bên mua điện, kể cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa hoặc thỏa thuận với bên mua điện về việc bù trừ tiền điện thu thừa vào các lần thanh toán tiền điện sau;

d) Lãi suất thu thừa tiền điện được xác định theo quy định tại điểm b khoản này;

đ) Bên bán điện ghi chỉ số đo điện năng mỗi tháng 01 lần vào ngày ấn định, trừ trường hợp bất khả kháng có nguy cơ mất an toàn cho người lao động quy định trong hợp đồng mua bán điện. Cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số đo điện năng trước hoặc sau 01 ngày so với ngày ấn định hoặc dịch chuyển theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

2. Thanh toán tiền điện theo hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện ngoài mục đích sinh hoạt thực hiện theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

*Trường hợp các bên chậm trả hoặc thu thừa tiền điện thì có nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả và lãi suất theo quy định của pháp luật về dân sự.*

**3. Quy định về xem xét lại số tiền điện phải thanh toán như sau:**

*a) Bên mua điện có quyền yêu cầu bên bán điện xem xét lại số tiền điện phải thanh toán theo một trong các hình thức sau: trực tiếp tại đơn vị bán điện; dịch vụ bưu chính; phương tiện điện tử hoặc hình thức khác do các bên thỏa thuận;*

*b) Khi nhận được yêu cầu của bên mua điện, bên bán điện có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không đồng ý với cách giải quyết của bên bán điện, bên mua điện có thể đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức việc hòa giải theo quy định của pháp luật về hòa giải hoặc yêu cầu trọng tài, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;*

*c) Trong thời gian yêu cầu của bên mua điện chưa được giải quyết, bên mua điện vẫn phải thanh toán tiền điện; bên bán điện không được ngừng cấp điện.*

**4. Bên mua điện không trả tiền điện theo thỏa thuận tại hợp đồng và đã được bên bán điện thông báo về việc thanh toán tiền điện 02 lần cách nhau không dưới 03 ngày thì bên bán điện có quyền ngừng cấp điện. Thời điểm bên bán điện có quyền ngừng cấp điện do hai bên tự thỏa thuận và ghi rõ trong hợp đồng mua bán điện nhưng không vượt quá 10 ngày kể từ ngày bên bán điện có thông báo đầu tiên. Bên bán điện phải thông báo thời điểm ngừng cấp điện cho bên mua điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Sau khi bên mua điện thanh toán tiền điện và thực hiện đầy đủ thủ tục đề nghị cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực thì bên bán điện phải thực hiện cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực.**

**5. Hóa đơn thanh toán tiền điện được lập theo chu kỳ ghi chỉ số đo điện năng. Hình thức thông báo thanh toán tiền điện do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.**

**6. Việc xác định tiền điện thanh toán trong các trường hợp thiết bị đo đếm điện không chính xác so với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định, bên mua điện sử dụng điện trong thời gian hệ thống thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng làm cho công tơ điện ngừng hoạt động và bên mua điện sử dụng điện trong thời gian công tơ điện bị mất theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.**

**7. Chính phủ quy định chi tiết việc ghi chỉ số đo điện năng.**

**Điều 49. Ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện**

**1. Việc ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng mua bán điện đã ký. Bên mua điện và bên bán điện phải thỏa thuận, thống nhất các trường hợp ngừng, giảm mức cung cấp**

điện và hình thức thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện trong hợp đồng mua bán điện.

**2. Các trường hợp ngừng, giảm cung cấp điện bao gồm:**

a) Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện, bên bán điện được phép ngừng, giảm mức cung cấp; phải thông báo tình trạng cấp điện và thời gian dự kiến cấp điện trở lại cho bên mua điện trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ngừng, giảm mức cung cấp điện;

b) Khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch, bên bán điện có trách nhiệm thông báo cho bên mua điện biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng hình thức thông báo được thống nhất trong hợp đồng mua bán điện;

c) Không thanh toán tiền điện quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này hoặc quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó.

**3. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện quy định tại khoản 2 Điều này.**

**Điều 57. Bảo đảm chất lượng điện năng**

1. Đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện phải bảo đảm công suất, điện năng và thời gian cung cấp điện theo hợp đồng; điện áp, tần số theo yêu cầu kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành. Trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn điện áp, tần số, công suất, điện năng và thời gian cung cấp điện theo hợp đồng đã ký mà gây thiệt hại cho bên mua điện thì bên bán điện phải bồi thường cho bên mua điện theo quy định của pháp luật.

2. Bên mua điện có trách nhiệm bảo đảm các thiết bị sử dụng điện của mình hoạt động an toàn để không gây ra sự cố cho hệ thống điện, không làm ảnh hưởng đến chất lượng điện áp, tần số của lưới điện.

**Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện**

1. Đơn vị bán lẻ điện có các quyền sau đây:

a) Mua điện trực tiếp của bên bán điện theo hợp đồng mua bán điện;

b) Cạnh tranh mua, bán điện trên thị trường điện cạnh tranh theo hợp đồng mua bán điện, hợp đồng kỳ hạn điện, hợp đồng quyền chọn mua điện hoặc bán điện, hợp đồng tương lai điện; định giá bán lẻ điện trên thị trường bán lẻ điện cạnh tranh theo quy định;

c) Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện, dịch vụ điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ thị trường điện cạnh tranh;

d) Được vào khu vực quản lý của bên mua điện để kiểm tra, ghi chỉ số đo điện năng và liên hệ với khách hàng;

đ) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán lẻ điện;

e) Quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đơn vị bán lẻ điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bán điện theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên mua điện hoặc bên bán điện theo quy định của pháp luật;

c) Cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến lượng điện bán lẻ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện;

đ) Tuân thủ quy định về vận hành thị trường điện cạnh tranh, an toàn điện;

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện**

1. Khách hàng sử dụng điện có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Yêu cầu bên bán điện kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;

c) Được bồi thường thiệt hại do bên bán điện gây ra theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu bên bán điện kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;

đ) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện và hướng dẫn về an toàn điện;

e) Được lựa chọn bên bán điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;

g) Quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Khách hàng sử dụng điện có các nghĩa vụ sau đây:



a) Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng mua bán điện;

b) Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện các quy định, chương trình về quản lý nhu cầu điện để bảo đảm hệ thống điện vận hành an toàn, liên tục;

c) Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ thị trường điện cạnh tranh;

d) Sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích theo quy định tại hợp đồng mua bán điện;

đ) Thông báo kịp thời cho bên bán điện khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;

e) Tạo điều kiện để bên bán điện, đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện kiểm tra, sửa chữa, ghi chỉ số đo điện năng, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và thay thế hệ thống đo đếm điện, trang thiết bị điện của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện và liên hệ với khách hàng;

g) Đầu tư đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này; thiết kế hệ thống điện trong công trình thuộc phạm vi quản lý đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

h) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy;

i) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên bán điện theo quy định của pháp luật;

k) Bảo vệ công tơ điện đặt trong phạm vi quản lý của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện; không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của bên bán điện và phải chịu chi phí di chuyển;

l) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Khách hàng sử dụng điện lớn có các quyền sau đây:

a) Quyền quy định tại khoản 1 Điều này và được sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện theo quy định tại hợp đồng ký với đơn vị truyền tải điện, phân phối điện;

b) Khi tham gia thị trường điện cạnh tranh, có quyền mua điện trực tiếp từ đơn vị phát điện thông qua hợp đồng mua bán điện, hợp đồng kỳ hạn điện, hợp đồng quyền chọn mua điện hoặc bán điện, hợp đồng tương lai điện và mua điện giao ngay trên thị trường điện cạnh tranh.

4. Khách hàng sử dụng điện lớn có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của cấp điều độ có quyền điều khiển, biện pháp bảo đảm yêu cầu chất lượng điện năng, an toàn điện và nội dung khác đã được thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện, hợp đồng ký với đơn vị truyền tải điện, phân phối điện.

#### **Điều 74. An toàn trong sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho mục đích sinh hoạt, dịch vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Thiết kế, lắp đặt dây dẫn, thiết bị đóng cắt và thiết bị điện trong nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt, dịch vụ phải bảo đảm chất lượng, an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công trình xây dựng theo quy định của pháp luật và phù hợp với tổng nhu cầu sử dụng điện năng của người sử dụng;

b) Lắp đặt đường dây dẫn điện từ công tơ đo đếm điện đến nhà ở, công trình, khu vực sử dụng điện bảo đảm chất lượng, an toàn và không gây cản trở đến hoạt động giao thông vận tải;

c) Cung cấp thông tin về hệ thống điện trong nhà ở, công trình và nhu cầu sử dụng điện năng khi ký hợp đồng mua bán điện;

d) Bảo đảm an toàn đối với hệ thống điện trong nhà ở, công trình do mình sở hữu hoặc quản lý, sử dụng. Thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa, thay thế dây dẫn, thiết bị điện không bảo đảm chất lượng. Khi xảy ra sự cố điện phải có biện pháp ngăn ngừa nguy cơ gây cháy lan sang đồ vật, trang thiết bị khác trong nhà ở, công trình và kịp thời thông báo cho đơn vị bán điện và cơ quan chức năng tại địa phương;

đ) Phối hợp với cơ quan chức năng trong việc kiểm tra an toàn trong sử dụng điện.

2. Đơn vị bán điện có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn việc lắp đặt, sử dụng hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn; cung cấp cho khách hàng sử dụng điện thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và biện pháp bảo đảm an toàn điện;

b) Ứng dụng công nghệ số trong việc thông tin cho khách hàng sử dụng điện về nguy cơ mất an toàn điện trong quá trình sử dụng điện;

c) Định kỳ tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, nâng cao nhận thức cho khách hàng sử dụng điện an toàn;

d) Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì đơn vị bán điện có trách nhiệm phối hợp kiểm tra an toàn hệ thống điện của khách hàng sử dụng điện, trường hợp phát hiện có nguy cơ mất an toàn phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn hoặc ngừng cung cấp điện theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**2. Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống bảo đảm cung cấp điện**

***Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện***

1. Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên theo đăng ký tại hợp đồng mua bán điện có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng mua bán điện có hiệu lực. Trường hợp sản lượng điện tiêu thụ bình quân đăng ký tại hợp đồng mua bán điện thấp hơn mức này, nhưng sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên, bên mua điện có trách nhiệm phối hợp với bên bán điện sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán điện đã ký để bổ sung nội dung về bảo đảm thực hiện hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Hằng năm, bên bán điện và bên mua điện thỏa thuận giá trị thực hiện bảo đảm hợp đồng phù hợp với sản lượng điện bình quân sử dụng thực tế trong 12 tháng trước liền kề.

2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng do các bên mua điện và bên bán điện thỏa thuận trong phạm vi dải giá trị từ 10 đến 15 ngày tiền điện, được tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng đăng ký trong hợp đồng mua bán điện hoặc sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất và giá điện năng giờ bình thường được áp dụng.

3. Biện pháp, hình thức, hiệu lực bảo đảm, quyền và nghĩa vụ trong việc bảo đảm hợp đồng do các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng mua bán điện; khuyến khích việc thực hiện biện pháp bảo lãnh qua ngân hàng.

4. Quy định về bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện không áp dụng đối với trường hợp khách hàng sử dụng điện với mục đích cấp điện cho trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

***Điều 4. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng điện năng của bên mua điện ngoài mục đích sinh hoạt***

1. Bên mua điện có trách nhiệm bảo đảm các thiết bị sử dụng điện của mình đáp ứng yêu cầu về chất lượng điện năng theo quy chuẩn về kỹ thuật điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

2. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh có trạm điện riêng hoặc có công suất sử dụng cực đại từ 40 kW trở lên trong 3 chu kỳ ghi chỉ số đo điện năng liên tiếp có trách nhiệm:

a) Đăng ký biểu đồ phụ tải và đặc tính kỹ thuật công nghệ của thiết bị sử dụng điện với bên bán điện;

b) Đảm bảo hệ số  $\cos\varphi \geq 0,9$  tại điểm đặt thiết bị đo đếm điện trong điều kiện hệ thống điện đảm bảo chất lượng điện năng theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Trường hợp hệ số  $\cos\varphi < 0,9$ , bên mua điện phải mua thêm công suất phản kháng trên hệ thống điện của bên bán điện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

c) Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về sóng hài, dao động điện áp, nhấp nháy điện áp theo Quy định về hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

3. Trường hợp bên mua điện có khả năng phát công suất phản kháng lên hệ thống điện và bên bán điện có nhu cầu mua công suất phản kháng, hai bên có thể thỏa thuận việc mua, bán công suất phản kháng thông qua hợp đồng.

4. Trường hợp bên mua điện có yêu cầu chất lượng điện năng cao hơn quy định của Bộ Công Thương, bên mua điện và bên bán điện có thể thỏa thuận và quy định cụ thể về yêu cầu chất lượng điện năng trong hợp đồng mua bán điện.

### **Điều 5. Việc thực hiện mua, bán công suất phản kháng**

1. Bên mua điện để sản xuất, kinh doanh có trạm điện riêng hoặc có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại hợp đồng mua bán điện từ 40 kW trở lên và có hệ số công suất  $\cos\varphi < 0,9$  phải mua công suất phản kháng. Phương pháp xác định hệ số công suất  $\cos\varphi$  được quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp bên mua điện có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại hợp đồng mua bán điện dưới 40 kW nhưng có công suất sử dụng điện thực tế cực đại từ 40 kW trở lên trong 3 chu kỳ ghi chỉ số công tơ liên tiếp thì bên mua điện thuộc đối tượng phải mua công suất phản kháng kể từ chu kỳ ghi chỉ số kế tiếp của 3 chu kỳ ghi chỉ số trên. Bên mua điện có trách nhiệm thỏa thuận lại hợp đồng mua bán điện với bên bán điện để thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Hệ số công suất  $\cos\varphi$  dùng để xác định việc mua công suất phản kháng của bên mua điện được tính trên cơ sở số liệu đo đếm được tại công tơ đo đếm điện năng trong một chu kỳ ghi chỉ số công tơ theo quy định tại mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trường hợp bên mua điện ký một Hợp đồng cho nhiều công tơ đo đếm điện tại một địa điểm được cấp chung cùng một đường dây thì điện năng tác dụng là tổng sản lượng điện năng tác dụng của các công tơ và điện năng phản kháng là tổng sản lượng điện năng phản kháng của các công tơ.

4. Trường hợp bên mua điện có sử dụng điện cho các mục đích khác chung với mục đích sản xuất, kinh doanh thì việc xác định hệ số công suất  $\cos\varphi$  như sau:

a) Khi có công tơ đo đếm riêng cho phần điện năng sử dụng để sản xuất, kinh doanh thì chỉ áp dụng mua công suất phản kháng đối với phần điện năng sử dụng cho mục đích này:

b) Khi không có công tơ đo đếm riêng cho phần điện năng sử dụng để sản xuất, kinh doanh mà chỉ có công tơ đo đếm điện năng chung, nếu hệ số công suất  $\cos\varphi < 0,9$  thì bên mua điện phải mua công suất phản kháng cho phần điện năng sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh. Phần điện năng sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh được xác định trên cơ sở sản lượng điện năng đo đếm chung trừ đi sản lượng điện năng sử dụng cho mục đích khác được tính toán căn cứ công suất sử dụng và thời gian sử dụng của các thiết bị điện phục vụ mục đích khác do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

5. Tiền mua công suất phản kháng là số tiền bên mua điện phải trả cho bên bán điện để bù đắp các khoản chi phí phát sinh thêm do bên mua điện sử dụng quá lượng công suất phản kháng quy định được tính theo công thức quy định tại mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Bên mua điện phải thanh toán tiền mua công suất phản kháng cùng kỳ với tiền mua điện năng tác dụng. Việc xử lý nợ tiền mua công suất phản kháng được thực hiện như xử lý nợ tiền mua điện năng tác dụng.

7. Trường hợp bên bán điện không đảm bảo chất lượng điện theo quy định của Bộ Công Thương thì bên mua điện không phải mua công suất phản kháng khi hệ số công suất  $\cos\varphi < 0,9$ .

#### **Điều 6. Điều kiện giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt**

1. Tổ chức, cá nhân khi đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Chủ thể đề nghị giao kết hợp đồng của bên mua điện là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của bên mua điện thực hiện giao kết hợp đồng;

b) Chủ thể đề nghị giao kết hợp đồng của bên bán điện là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của đơn vị bán lẻ điện đáp ứng nhu cầu của Bên mua điện thực hiện giao kết hợp đồng;

c) Chủ thể tham gia đề nghị giao kết hợp đồng bảo đảm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trường hợp người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của người mất năng lực hành vi dân sự là chủ thể tham gia đề nghị giao kết hợp đồng;

d) Trường hợp bên mua điện gồm nhiều hộ sử dụng điện chung giao kết 01 hợp đồng thì chủ thể giao kết hợp đồng của Bên mua điện là đại diện số hộ dùng chung ký hợp đồng và có văn bản ủy quyền của các hộ dùng chung khác. Tại hợp đồng phải ghi rõ số hộ dùng chung (có danh sách kèm theo) và giá bán điện được áp dụng theo quy định của pháp luật về điện lực. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự;

đ) Trường hợp bên mua điện là người thuê nhà ở thì chủ thể giao kết hợp đồng của bên mua điện là chủ sở hữu nhà ở hoặc người thuê nhà được chủ sở hữu nhà ở ủy quyền bằng văn bản. Trong đó, chủ sở hữu nhà ở có cam kết thanh toán tiền điện trong trường hợp người thuê nhà được ủy quyền chủ thể giao kết hợp đồng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện;

e) Tại một địa điểm đăng ký mua điện, bên mua điện là một hộ gia đình thì chỉ được giao kết 01 hợp đồng.

2. Bên mua điện lập hồ sơ đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt bằng văn bản giấy hoặc hình thức thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản theo quy định của pháp luật, gửi 01 bộ hồ sơ tới bên bán điện trong trường hợp bằng văn bản giấy. Hồ sơ đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện bao gồm các giấy tờ, tài liệu sau đây:

a) Đề nghị giao kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt;

b) Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của bên mua điện do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập. Trong trường hợp không tra cứu được trên Cơ sở dữ liệu quốc gia thì sử dụng bản sao của thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc giấy xác nhận thông tin về cư trú của người đại diện bên mua điện có thông tin về cư trú của hộ gia đình tại địa điểm mua điện hoặc một trong số các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận về quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất (trên đất đã có nhà ở); quyết định phân nhà; hợp đồng mua bán nhà; hợp đồng thuê nhà có thời hạn từ 01 năm trở lên hoặc giấy tờ khác chứng minh quyền sở hữu, quản lý, sử dụng địa điểm mua điện có thời hạn từ 01 năm trở lên để đăng ký mua điện.

3. Bên bán điện phải thực hiện giao kết hợp đồng và cấp điện cho bên mua điện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày các bên đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

## **Điều 7. Ghi chỉ số đo điện năng**

1. Đối với việc mua bán điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt, bên bán điện ghi chỉ số đo điện năng mỗi tháng 01 lần vào ngày ấn định do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện, trừ trường hợp bất khả kháng có nguy cơ mất an toàn cho người lao động quy định trong hợp đồng mua bán điện. Cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số đo điện năng trước hoặc sau 01 ngày so với ngày ấn định hoặc dịch chuyển theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện.

2. Đối với việc mua bán điện sử dụng ngoài mục đích sinh hoạt, bên mua điện và bên bán điện được phép thỏa thuận số lần ghi chỉ số đo điện năng trong tháng. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được, việc ghi chỉ số đo điện năng được quy định căn cứ vào sản lượng điện tiêu thụ bình quân đăng ký trong hợp đồng mua bán điện như sau:

- a) Dưới 50.000 kWh/tháng, ghi chỉ số một lần trong một tháng;
- b) Từ 50.000 đến 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số hai lần trong một tháng;
- c) Trên 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số ba lần trong một tháng.

3. Trong trường hợp sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân của bên mua điện cho mục đích ngoài sinh hoạt trong ba tháng gần nhất vượt quá hoặc thấp hơn các ngưỡng tiêu thụ tương ứng với số lần ghi chỉ số đang áp dụng theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này, bên bán điện và bên mua điện có quyền thỏa thuận để điều chỉnh số lần ghi chỉ số đo điện năng.

4. Đối với bên mua điện sử dụng điện năng ít hơn 15 kWh/tháng, chu kỳ ghi chỉ số đo điện năng do hai bên thỏa thuận.

5. Đối với việc mua bán buôn điện, việc ghi chỉ số đo điện năng do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng.

6. Bên bán điện phải bảo đảm tính chính xác của chỉ số đo điện năng đã ghi.

#### **Điều 8. Các tình huống cấp bách đe dọa nghiêm trọng đến khả năng bảo đảm cung cấp điện**

1. Xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng mất cân bằng công suất giữa nguồn điện và phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện.

2. Xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng thiếu sản lượng điện năng đáp ứng cho phụ tải điện dẫn tới phải ngừng, giảm mức cung cấp điện được Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia xác định trong các Phương thức vận hành hệ thống điện.

3. Các tình huống mất khả dụng nguồn điện, sự cố hệ thống truyền tải điện, tăng trưởng đột biến của nhu cầu phụ tải dẫn đến tình trạng mất cân bằng công suất giữa nguồn điện và phụ tải điện.

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

...3. Đối với các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng đã được ký kết. Đối với những khách hàng đã thực hiện bảo đảm hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì có quyền đề nghị bên bán điện sửa đổi hợp đồng mua bán điện theo quy định tại Nghị định này.

**3. Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện**

**Điều 5. Ngừng, giảm mức cung cấp điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch**

**Điều 6. Ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện**

**Điều 7. Ngừng cấp điện do tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật**

Bên bán điện được ngừng cấp điện khi tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Bên mua điện không thực hiện thanh toán tiền điện theo quy định tại khoản 4 Điều 48 Luật Điện lực.

2. Bên mua điện có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 4, 7, 8, 9 và khoản 11 Điều 9 của Luật Điện lực (Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện);

3. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện biện pháp cưỡng chế ngừng cấp điện theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

4. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó.

**Điều 8. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch**

**Điều 9. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên bán điện không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện**

**Điều 10. Trình tự ngừng cấp điện do tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật**

### **III. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn thi hành**

#### **1. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

**Điều 23. Hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung**

1. Hình thức hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngôn ngữ, hình thức của hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp bằng văn bản phải được thể hiện rõ ràng, dễ hiểu.



*Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung là tiếng Việt. Các bên có thể thỏa thuận sử dụng thêm tiếng dân tộc khác của Việt Nam hoặc tiếng nước ngoài. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt với bản tiếng dân tộc khác của Việt Nam hoặc bản tiếng nước ngoài, bản có lợi hơn cho người tiêu dùng được ưu tiên áp dụng.*

*3. Hợp đồng theo mẫu phải có các nội dung cơ bản sau đây:*

*a) Thông tin của các bên trong hợp đồng bao gồm: tên, địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ khác (nếu có);*

*b) Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được bán, cung cấp theo hợp đồng;*

*c) Đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng, giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được bán, cung cấp, các thành phần cấu thành giá cuối cùng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nếu pháp luật có quy định phải công khai cấu thành giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;*

*d) Phương thức, thời hạn thanh toán;*

*đ) Thời gian, địa điểm, phương thức bán, cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;*

*e) Quyền và nghĩa vụ của các bên bảo đảm tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;*

*g) Trách nhiệm bảo vệ thông tin của người tiêu dùng;*

*h) Trường hợp chấm dứt thực hiện hợp đồng và trách nhiệm phát sinh do chấm dứt thực hiện hợp đồng;*

*i) Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;*

*k) Phương thức giải quyết tranh chấp;*

*l) Thời điểm giao kết hợp đồng, thời hạn của hợp đồng.*

*4. Ngoài các nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều này, hợp đồng theo mẫu phải tuân thủ quy định của pháp luật khác có liên quan,*

*5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.*

### **Điều 28. Kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung**

*1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có số lượng lớn người tiêu dùng mua, sử dụng thường xuyên, liên tục, có tác động trực tiếp, lâu dài đến người tiêu dùng phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước khi sử dụng để giao kết với người tiêu dùng.*

*Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi Danh mục sản phẩm, hàng*

hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại Điều này.

**2. Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

***Điều 7. Trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung***

1. Trước khi sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi để giao kết với người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thực hiện việc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của Nghị định này.

2. Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung chỉ được sử dụng để giao kết hoặc áp dụng đối với người tiêu dùng khi việc đăng ký được hoàn thành theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định này. Trong trường hợp người tiêu dùng thanh toán trước khi giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung hoặc thực hiện việc đặt cọc, ký quỹ, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác liên quan đến việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thì tổ chức, cá nhân kinh doanh phải hoàn thành việc đăng ký và công khai hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung để người tiêu dùng biết về nội dung của các văn bản này theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định này trước khi thực hiện việc thanh toán hoặc các biện pháp nêu trên.

3. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, tổ chức, cá nhân kinh doanh có hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký do Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung tới cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**3. Quyết định số 07/2024/QĐ-TTg ngày 20/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung**

**DANH MỤC**

**SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ PHẢI ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG**

<b>TT</b>	<b>Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ</b>
1	Cung cấp điện phục vụ mục đích sinh hoạt

**IV. Luật Thủ đô**

***Điều 33. Biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội***

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố được áp dụng các quy định sau đây:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung do Chính phủ quy định và không vượt quá mức phạt tối đa theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố;

b) Người có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a khoản này có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó.

2. Trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh sau đây:

a) Công trình xây dựng sai quy hoạch, công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với trường hợp theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng sai với nội dung trong giấy phép xây dựng; công trình xây dựng sai với thiết kế xây dựng được phê duyệt đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;

b) Công trình xây dựng trên đất bị lấn, chiếm theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Công trình xây dựng thuộc diện phải thẩm duyệt về thiết kế phòng cháy, chữa cháy nhưng được tổ chức thi công khi chưa có giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền;

d) Công trình thi công không đúng theo thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đã được thẩm duyệt;

đ) Công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa được nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy mà đã đưa vào hoạt động;

e) Cơ sở kinh doanh dịch vụ vũ trường, kinh doanh dịch vụ ka-ra-ô-kê (karaoke) không bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy;

g) Công trình thuộc trường hợp phải phá dỡ và đã có quyết định di dời khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Người cung cấp dịch vụ điện, nước có trách nhiệm ngừng cung cấp dịch vụ ngay khi có yêu cầu của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này bảo đảm đúng phạm vi, đối tượng, thời hạn. Quyền ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước của người cung cấp dịch vụ điện, nước trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải được

*thông báo cho người sử dụng dịch vụ và thể hiện trong hợp đồng sử dụng dịch vụ điện, nước.*

*4. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết trường hợp áp dụng, thẩm quyền áp dụng và việc thực hiện biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.*

**PHỤ LỤC 2**  
**CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG**  
**MUA BÁN ĐIỆN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**  
*(Các Tổng công ty Điện lực có thể sửa đổi, bổ sung các điều khoản để phù hợp với  
Pháp luật Việt Nam và tính chất đặc thù của từng đơn vị)*

**HỢP ĐỒNG**  
**MUA BÁN ĐIỆN PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

Mã số hợp đồng.....

*Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;<sup>1</sup>*

*Căn cứ Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống đảm bảo cung cấp điện.<sup>2</sup>*

*Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện,*

Chúng tôi gồm:

**Bên bán điện (Bên A):** .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

Email: .....Website:.....

Mã số thuế: .....

Tài khoản số: .....Tại Ngân hàng: .....

Đại diện là ông (bà): .....Chức vụ: .....

*Theo Văn bản ủy quyền số: ..... ngày..... tháng..... năm .....  
của ông (bà) .....chức vụ .....<sup>3</sup>*

[Các bên thống nhất tại hợp đồng này, Công ty Điện lực/Điện lực .....là đơn vị trực thuộc Bên A, được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, sẽ đại diện cho Bên A chịu trách nhiệm triển khai, quản lý và thực hiện hợp đồng và có các thông tin cụ thể như sau:

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Email: .....

<sup>1</sup> Chỉ áp dụng cho các Hợp đồng mua bán điện của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội.

<sup>2</sup> Các bên được bổ sung thêm các căn cứ là văn bản quy định pháp luật ảnh hưởng trực tiếp trong quá trình thực hiện ký kết hợp đồng, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì cập nhật theo các văn bản mới.

<sup>3</sup> Áp dụng trong trường hợp đại diện theo ủy quyền.

Tài khoản số: ..... Tại Ngân hàng: .....]<sup>4</sup>

**Bên mua điện (Bên B)**<sup>5</sup>:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Email: .....

Mã số thuế<sup>6</sup>:.....

Tài khoản số: ..... Tại Ngân hàng: .....<sup>7</sup>

Đại diện là ông (bà)<sup>8</sup> : .....

Chức vụ (áp dụng cho tổ chức): .....

Số định danh cá nhân: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

(Theo Văn bản ủy quyền số: ..... ngày ..... tháng .....  
năm ..... của ông (bà) .....<sup>9</sup> Chức vụ  
(áp dụng cho tổ chức): .....)

[Số hộ dùng chung: ..... (danh sách cụ thể đính kèm hợp đồng này).]<sup>10</sup>

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt với những nội dung sau:

### **Điều 1. Các nội dung cụ thể**

1. Hai bên thống nhất áp dụng CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG kèm theo hợp đồng này.

2. Địa chỉ sử dụng điện: .....

3. Vị trí xác định chất lượng điện: .....

4. Vị trí lắp đặt thiết bị đo đếm điện: .....

Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, những người sau đây có thể đại diện Bên B để chứng kiến và ký biên bản treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện tại thời điểm Bên A treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện:

a) Chủ thể ký hợp đồng ☐;

b) Người được Bên B ủy quyền, bao gồm: Một thành viên khác có đủ năng lực hành vi dân sự trong hộ gia đình/hộ dùng chung Bên B ☐; Người được ủy quyền khác: .....

<sup>4</sup> Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên bán điện, trường hợp không phát sinh thì bỏ nội dung này.

<sup>5</sup> Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên mua điện là tổ chức/cá nhân/hộ gia đình.

<sup>6</sup> Thông tin dành cho Bên mua điện là tổ chức.

<sup>7</sup> Thông tin dành cho Bên mua điện là tổ chức.

<sup>8</sup> Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên mua điện (như hộ dùng chung, tổ chức,...), trường hợp không phát sinh thì bỏ nội dung này.

<sup>9</sup> Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên ủy quyền trong trường hợp Bên mua điện là tổ chức hoặc nhiều hộ dùng chung ký 01 hợp đồng; đối với đại diện cho các hộ dùng chung có thể có nhiều văn bản ủy quyền hoặc 01 văn bản ủy quyền của nhiều hộ dùng chung tùy theo tình hình thực tế.

<sup>10</sup> Áp dụng cho trường hợp Bên mua điện là nhiều hộ dùng chung ký 01 hợp đồng.

5. Ngày ghi chỉ số đo điện năng: .....

6. Hình thức và thời hạn thanh toán:

a) Áp dụng linh hoạt một hoặc nhiều hình thức thanh toán sau: Trích nợ tự động ☐; Thanh toán điện tử ☐; Chuyển khoản ☐; Qua điểm thu ☐; Hình thức khác: .....

b) Thời hạn thanh toán tiền điện: ..... ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu của kỳ thanh toán.

7. Hình thức thông báo, trao đổi thông tin:

Áp dụng linh hoạt một hoặc nhiều hình thức gửi/nhận thông báo thanh toán và thông báo, trao đổi thông tin khác (bao gồm cả việc chậm thanh toán, ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện, thay đổi ngày ghi chỉ số đo điện năng, treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện,...) sau: Email ☐; Điện thoại/SMS ☐; Ứng dụng nhắn tin ☐; Ứng dụng chăm sóc khách hàng của Bên A ☐; Hình thức khác: .....

Trường hợp không đồng ý với các thông tin của bên đề nghị, bên nhận đề nghị phải có phản hồi trong thời hạn .....ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

[8. Hai bên thống nhất tại hợp đồng này, chứng từ thanh toán đối với mọi khoản thanh toán theo quy định tại hợp đồng sẽ được Công ty Điện lực/Điện lực..... phát hành cho Bên B và Bên B thực hiện việc thanh toán cho Công ty Điện lực/Điện lực.....]<sup>11</sup>

9. Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm được hai bên thỏa thuận:<sup>12</sup>.....% phần giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

10. Hai bên thỏa thuận lựa chọn một hoặc nhiều phương thức giải quyết tranh chấp sau đây<sup>13</sup>: Thương lượng ☐; Hòa giải ☐; Trọng tài ☐; Tòa án ☐.

## **Điều 2. Những thỏa thuận khác<sup>14</sup>**

Bằng việc đồng ý giao kết Hợp Đồng này với Bên A, Bên B hiểu, đồng ý và cam kết với các nội dung sau:

1. Chính sách bảo mật

a) Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân và các điều khoản liên quan đến việc thu thập, xử lý, và bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên B là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này. Chính sách bảo mật này có hiệu lực kể từ thời điểm Bên B ký kết Hợp Đồng và được công bố công khai trên website chính thức của Bên A.

b) Bên B cam kết đã đọc, tự nguyện và biết rõ và đồng ý với Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân đã được công bố trên website chính thức của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm theo dõi và cập nhật các sửa đổi, bổ sung về Chính sách bảo mật và các quy định liên quan, như một phần của Hợp Đồng này.

c) Bên B xác nhận đã được Bên A cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin về sản phẩm, dịch vụ và Hợp Đồng; bao gồm cả Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân. Bên

<sup>11</sup> Lựa chọn và ghi thông tin cho phù hợp với thực tế của Bên bán điện, trường hợp không phát sinh thì bỏ nội dung này.

<sup>12</sup> Hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

<sup>13</sup> Trong trường hợp hai bên thỏa thuận lựa chọn từ hai phương thức giải quyết tranh chấp trở lên thì trình tự giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

<sup>14</sup> Hai bên có quyền thỏa thuận các nội dung phù hợp với thực tế mua bán điện giữa hai bên đảm bảo nội dung thỏa thuận khác không trái với quy định pháp luật hiện hành.

A đã giải thích rõ các quyền và nghĩa vụ của Bên B liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định về xử lý dữ liệu.

d) Bên B đồng ý cho Bên A được phép sử dụng và/hoặc chia sẻ dữ liệu cá nhân của mình với bên thứ ba có hợp tác với Bên A để phục vụ các mục đích theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Việc chia sẻ dữ liệu sẽ tuân thủ Chính sách bảo mật và các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi của Bên B.

## 2. Thực hiện an toàn trong sử dụng điện

a) Bên B xác nhận đã được Bên A hướng dẫn đầy đủ về việc sử dụng điện an toàn và đồng ý tuân thủ các hướng dẫn này. Bên B đồng ý chịu trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thông tin hướng dẫn về an toàn trong sử dụng điện trên website chính thức của Bên A và cam kết thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

b) Bằng việc ký kết hợp đồng này, Bên B xác nhận đã đọc, hiểu và đồng ý với các hướng dẫn về an toàn điện do Bên A cung cấp, đồng thời cam kết tuân thủ nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân và cộng đồng.

## 3. ....

### **Điều 3. Thời hạn và hiệu lực của hợp đồng**

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ... [*hoặc từ ngày ký hợp đồng*]

2. Thời hạn của hợp đồng là ... năm kể từ ngày ... tháng ... năm ... [*hoặc từ ngày ký hợp đồng*]; hoặc từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... [*hoặc đến ngày hợp đồng chấm dứt theo thỏa thuận tại hợp đồng này hoặc theo quy định của pháp luật*].<sup>15</sup>

3. Trong thời gian thực hiện, một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng, sửa đổi hoặc bổ sung nội dung đã ký trong hợp đồng phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

### **ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu<sup>16</sup>)

### **ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

<sup>15</sup> Lựa chọn một trong hai cách ghi thời hạn phù hợp.

<sup>16</sup> Trường hợp Bên B là tổ chức thì phải ký và ghi đầy đủ họ tên, chức vụ và đóng dấu.



## **CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

*(Kèm theo Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt)*

### **Điều 1. Tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ**

#### **1. Chất lượng điện năng**

- a) Chất lượng điện năng được xác định tại vị trí theo thỏa thuận trong hợp đồng;
- b) Điện áp và tần số phải đảm bảo theo quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng.

#### **2. Đo đếm điện năng**

- a) Điện năng sử dụng được xác định qua thiết bị đo đếm điện và hệ số nhân của thiết bị đo đếm điện. Hệ số nhân được thể hiện trong biên bản treo, tháo thiết bị đo đếm điện;
- b) Thiết bị đo đếm điện được kiểm định theo quy định của pháp luật;
- c) Khi treo, tháo, lắp đặt thiết bị đo đếm điện phải lập biên bản có xác nhận của Bên B phù hợp với nội dung đã thỏa thuận tại khoản 4 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này. Biên bản được thể hiện dưới dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

### **Điều 2. Ghi chỉ số đo điện năng, giá điện và thanh toán tiền điện**

#### **1. Ghi chỉ số đo điện năng**

a) Bên A ghi chỉ số đo điện năng mỗi tháng 01 lần vào ngày ấn định, trừ trường hợp bất khả kháng có nguy cơ mất an toàn cho người lao động. Cho phép dịch chuyển thời điểm ghi chỉ số đo điện năng trước hoặc sau 01 ngày so với ngày ấn định hoặc dịch chuyển theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện;

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên A được quyền thỏa thuận thay đổi ngày ghi chỉ số đo điện năng hàng tháng đã được ấn định trước đó thông qua văn bản thông báo (dưới dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử) phù hợp với nội dung đã thỏa thuận tại khoản 7 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này gửi đến Bên B và phải được Bên B đồng ý. Việc thay đổi ngày ghi chỉ số đo điện năng chỉ được thực hiện sau khi hai bên đã thống nhất. Thỏa thuận giữa hai bên là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

#### **2. Giá điện**

a) Giá bán lẻ điện sinh hoạt thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên A có trách nhiệm thông báo giá bán lẻ điện sinh hoạt của Bên A cho Bên B trước khi ký hợp đồng và khi có sự thay đổi giá bán lẻ điện sinh hoạt;

b) Khi giá điện thay đổi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì giá mới được áp dụng và các bên không phải ký lại hợp đồng.

#### **3. Thanh toán tiền điện:**

a) Bên B thanh toán tiền điện cho Bên A mỗi tháng một lần bằng tiền Việt Nam và phải thanh toán đủ số tiền ghi trong hóa đơn. Tiền điện được thanh toán theo phương thức và thời hạn thanh toán do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện;

b) Bên B chậm trả tiền điện phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho bên A tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả bằng [hai bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật về dân sự];

c) Bên A thu thừa tiền điện do lỗi của Bên A phải hoàn trả cho bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa hoặc bù trừ tiền điện thu thừa vào các lần thanh toán tiền điện sau của bên B. Lãi suất khoản tiền thu thừa bằng *[hai bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật về dân sự]*.

4. Bên B không trả tiền điện theo thỏa thuận tại hợp đồng và đã được bên A thông báo về việc thanh toán tiền điện 02 lần cách nhau không dưới 03 ngày thì bên A có quyền ngừng cấp điện. Thời điểm bên A có quyền ngừng cấp điện không vượt quá 10 ngày kể từ ngày bên A thông báo tiền điện lần đầu tiên. Bên A phải thông báo thời điểm ngừng cấp điện cho bên B trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Sau khi bên B thanh toán tiền điện và thực hiện đầy đủ thủ tục đề nghị cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực thì bên A phải thực hiện cấp điện trở lại theo quy định của pháp luật về điện lực.

5. Quy định về xem xét lại số tiền điện phải thanh toán như sau:

a) Bên B có quyền yêu cầu bên A xem xét lại số tiền điện phải thanh toán theo một trong các hình thức sau: trực tiếp tại đơn vị bán điện; dịch vụ bưu chính; phương tiện điện tử hoặc hình thức khác do các bên thỏa thuận;

b) Khi nhận được yêu cầu của bên B, bên A có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không đồng ý với cách giải quyết của bên A, bên B có thể đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức việc hòa giải theo quy định của pháp luật về hòa giải hoặc yêu cầu trọng tài, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật;

c) Trong thời gian yêu cầu của bên B chưa được giải quyết, bên B vẫn phải thanh toán tiền điện; bên A không được ngừng cấp điện;

d) Sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp về số tiền điện phải thanh toán nếu: (i) Bên A thu thừa tiền điện phải hoàn trả cho bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa hoặc bù trừ tiền điện thu thừa vào các lần thanh toán tiền điện sau của Bên B. Lãi suất của khoản tiền thu thừa xác định theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này; (ii) Bên A thu thiếu tiền điện được được truy thu tiền điện còn thiếu của Bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền còn thiếu. Lãi suất của khoản tiền thu còn thiếu xác định theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này.

6. Việc xác định tiền điện thanh toán trong các trường hợp thiết bị đo đếm điện không chính xác so với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định, bên B sử dụng điện trong thời gian hệ thống thiết bị đo đếm điện bị hư hỏng làm cho công tơ điện ngừng hoạt động và bên B sử dụng điện trong thời gian công tơ điện bị mất theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

### **Điều 3: Ngừng, giảm cung cấp điện**

1. Các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền ngừng, giảm cung cấp điện cho Bên B khi có phát sinh các sự kiện dưới đây:

a) Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, sự cố mà bên A không kiểm soát được có nguy cơ làm mất an toàn nghiêm trọng cho người, trang thiết bị hoặc do thiếu nguồn điện đe dọa đến an toàn của hệ thống điện, bên A được phép ngừng, giảm mức cung cấp; phải thông báo tình trạng cấp điện và thời gian dự kiến cấp điện trở lại cho bên B trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ngừng, giảm mức cung cấp điện;

b) Khi có nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nhu cầu khác theo kế hoạch, bên A

có trách nhiệm thông báo cho bên B biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện ít nhất 05 ngày bằng hình thức thông báo được thống nhất trong hợp đồng mua bán điện;

c) Bên B không thanh toán tiền điện quy định tại khoản 4 Điều 48 Luật Điện lực;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật Điện lực hoặc quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó;

đ) Bên B không còn đáp ứng đủ điều kiện ký kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt hoặc Bên B có hành vi vi phạm hợp đồng mà không khắc phục hoặc Bên B không sử dụng điện quá 06 tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A.

2. Trình tự việc ngừng, giảm mức cung cấp điện thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

##### **1. Quyền của bên A:**

a) Yêu cầu bên B sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích, thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác theo quy định trong hợp đồng mua bán điện;

b) Yêu cầu bên B sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy;

c) Được vào khu vực quản lý của bên B để kiểm tra, ghi chỉ số đo điện năng, thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của bên A và liên hệ với bên B để giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng mua bán điện;

d) Được bồi thường thiệt hại do bên B gây ra theo quy định của pháp luật;

đ) Được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên B không còn đáp ứng đủ điều kiện ký kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt hoặc Bên B có hành vi vi phạm hợp đồng mà không khắc phục hoặc Bên B không sử dụng điện quá 06 tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A;

e) Quyền khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của pháp luật có liên quan.

##### **2. Nghĩa vụ của bên A:**

a) Cung cấp điện cho bên B đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn theo hợp đồng, trừ trường hợp lưới điện phân phối bị quá tải theo xác nhận của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực điện lực;

b) Bán điện cho bên B theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện ngừng, giảm, khôi phục kịp thời việc cấp điện cho Bên B theo quy định của pháp luật;

d) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên B theo quy định của pháp luật;

đ) Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán theo yêu cầu của bên B;

- e) Cung cấp cho bên B các thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện.
- g) Hướng dẫn cho bên B về việc lắp đặt, sử dụng hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn; cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và biện pháp bảo đảm an toàn điện;
- h) Đầu tư công tơ và đường dây dẫn điện từ lưới điện của bên A đến công tơ cho bên B, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với bên B;
- i) Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện;
- k) Bảo vệ thông tin của Bên B, không được phép thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Bên B cho Bên thứ ba khác khi chưa được sự đồng ý của Bên B;
- l) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

### **1. Quyền của bên B**

- a) Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thỏa thuận trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- c) Được bồi thường thiệt hại do bên A gây ra theo quy định của pháp luật;
- d) Yêu cầu A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;
- đ) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện và hướng dẫn về an toàn điện;
- e) Được lựa chọn bên bán điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;
- g) Quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **2. Nghĩa vụ của bên B:**

Trong phạm vi hợp đồng này, bên B không được thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện theo quy định tại Điều 9 Luật Điện lực và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời có các nghĩa vụ sau:

- a) Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng mua bán điện;
- b) Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; Bảo đảm đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Điện lực;
- c) Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ thị trường điện cạnh tranh;
- d) Sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích theo quy định tại hợp đồng mua bán điện;
- đ) Thông báo kịp thời cho bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;

e) Tạo điều kiện để bên A kiểm tra, sửa chữa, ghi chỉ số đo điện năng, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và thay thế hệ thống đo đếm điện, trang thiết bị điện và liên hệ với bên B;

g) Đầu tư đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Điện lực; thiết kế hệ thống điện trong công trình thuộc phạm vi quản lý đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

h) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên A theo quy định của pháp luật;

k) Bảo vệ công tơ điện đặt trong phạm vi quản lý của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện; không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của bên A và phải chịu chi phí di chuyển;

l) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **Điều 6. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng**

### **1. Các hành vi vi phạm hợp đồng**

#### **a) Các hành vi vi phạm của Bên A**

Không bảo đảm chất lượng điện năng quy định tại Điều 1 (Các điều khoản chung) của hợp đồng này, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự; ghi sai chỉ số đo điện năng, tính sai tiền điện trong hóa đơn; khi Bên B có văn bản đề nghị và đáp ứng đủ điều kiện về việc tăng số hộ dùng chung mà Bên A không thực hiện điều chỉnh; thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Điều 4; các hành vi khác vi phạm các quy định pháp luật về mua bán điện.

#### **b) Các hành vi vi phạm của Bên B**

Sử dụng điện sai mục đích có mức giá cao hơn mức giá đã thỏa thuận trong hợp đồng; chậm trả tiền điện theo quy định của pháp luật; khi giảm số hộ dùng chung mà không thông báo cho Bên A, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Điều 5; các hành vi khác vi phạm các quy định về mua bán điện.

### **2. Bồi thường thiệt hại**

a) Khi Bên A có các hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên B thì phải bồi thường;

b) Khi Bên B có các hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên A thì phải bồi thường;

c) Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại được áp dụng theo quy định của Pháp Luật.

### **3. Phạt vi phạm hợp đồng**

Ngoài việc bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 2 Điều này các bên bị phạt vi phạm hợp đồng như sau:

a) Khi Bên A có các hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên B thì Bên A bị phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt do hai bên thỏa thuận quy định tại khoản 9 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này;

b) Khi Bên B có các hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này và gây ra thiệt hại cho Bên A thì Bên B bị phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng với mức phạt do hai bên thỏa thuận quy định tại khoản 9 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này.

#### **Điều 7. Bất khả kháng**

1. Những trường hợp được coi là sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn: động đất, lũ lụt, hạn hán, cháy nổ, dịch bệnh, thảm họa, thiên tai, chiến tranh, khủng bố, đình công hoặc những sự kiện không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, không Bên nào phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ nội dung nào của Hợp đồng này trong trường hợp những chậm trễ hay vi phạm đó gây ra bởi sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tìm mọi biện pháp để hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng và phải tích cực thực hiện các phần công việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

#### **Điều 8. Giải quyết tranh chấp**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo thỏa thuận tại hợp đồng này và quy định của pháp luật.

2. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết tranh chấp theo phương thức đã được hai bên thỏa thuận tại khoản 10 Điều 1 (Các nội dung cụ thể) của hợp đồng này theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật về điện lực.

#### **Điều 9. Chấm dứt hợp đồng**

1. Hợp Đồng sẽ chấm dứt theo một trong các căn cứ dưới đây:

a) Kết thúc thời hạn hợp đồng mà các bên không thỏa thuận gia hạn.

b) Các bên thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

c) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 phần Các Điều khoản chung.

2. Trách nhiệm của các Bên do chấm dứt thực hiện Hợp Đồng:

a) Bên A gửi thông báo cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt hợp đồng và ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó. Bên A xác định chỉ số đo điện năng, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn cho Bên B.

b) Bên B thực hiện thanh toán toàn bộ tiền điện phát sinh theo hợp đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện.

c) Hợp đồng chấm dứt sau khi các bên hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều này.

**PHỤ LỤC 3**  
**CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG**  
**MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**  
*(Các Tổng công ty Điện lực có thể sửa đổi, bổ sung các điều khoản để phù hợp với  
Pháp luật Việt Nam và tính chất đặc thù của từng đơn vị)*



**EVN**

**HỢP ĐỒNG**  
**MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**  
Số: [•] /TCTĐL [•] /HĐMBĐNMĐSH

Giữa

[•]

Và

[•]

[•], ngày [•] tháng [•] năm [•]

## MỤC LỤC

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA .....	
ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG .....	
ĐIỀU 3: THOẢ THUẬN CỤ THỂ .....	
ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ.....	
ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG .....	
ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG.....	
ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ ĐO ĐIỆN NĂNG.....	
ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.....	
ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN.....	
ĐIỀU 10: THANH TOÁN.....	
ĐIỀU 11: NGỪNG, GIẢM CUNG CẤP ĐIỆN.....	
ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN.....	
ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A.....	
ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B.....	
ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG.....	
ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.....	
ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.....	
ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	
ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG.....	
ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	



**HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

Mã tỉnh (TP)	<div></div>	Mã huyện (quận)	<div></div>	Mã loại HĐ	<div></div>	Số Hợp Đồng	<div></div>	<div></div>	<div></div>	<div></div>	<div></div>
-----------------	-------------	--------------------	-------------	---------------	-------------	----------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------

*Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;*  
*Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;*  
*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;<sup>1</sup>*  
*Căn cứ Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống đảm bảo cung cấp điện.*  
*Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện,*

Chúng tôi gồm có:

<b>A. BÊN BÁN ĐIỆN:</b>	[•]
Mã số thuế:	[•]
Địa chỉ trụ sở chính:	[•]
Tài khoản ngân hàng số:	[•] tại ngân hàng: [•]
Email:	[•]
Website:	[•]
Điện thoại CSKH:	[•]
Đại diện là ông (bà):	[•]
- Chức vụ:	[•]
- Theo văn bản ủy quyền số:	[•] của Ông/Bà [•] vào ngày [•] tháng [•] năm [•]

*Dưới đây gọi tắt là “**Bên A**”*

Và

<b>B. BÊN MUA ĐIỆN:</b>	[•]
Mã số thuế:	[•]
Đăng ký kinh doanh/ doanh nghiệp:	[•]
Địa chỉ trụ sở chính/ thường trú:	[•]
Tài khoản ngân hàng số:	[•] tại ngân hàng [•]
Email:	[•]

<sup>1</sup> Chỉ áp dụng cho các Hợp đồng mua bán điện của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội

- Điện thoại: [•]
- Đại diện là ông (bà): [•]
- Chức vụ: [•]
  - Số chứng thực cá nhân (CC/CCCD/ HC): [•] Ngày cấp: [•] Nơi cấp: [•]
  - Theo văn bản ủy quyền số:[•] của Ông/Bà [•] vào ngày [•] tháng [•] năm [•]

Dưới đây gọi tắt là “**Bên B**”

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”

Các Bên nhất trí ký kết Hợp Đồng với những điều khoản và điều kiện như sau:

## **ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA**

Trong phạm vi Hợp Đồng này (trừ khi được Các Bên thống nhất mô tả hoặc quy định khác đi), các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1** *Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện* là Biên bản theo mẫu do Bên A quy định, có nội dung ghi nhận các thông tin về kết quả treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, thông số kỹ thuật của Thiết Bị Đo Đếm Điện và chỉ số đo điện năng vào thời điểm treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện;
- 1.2** *Biện Pháp Bảo Đảm* là biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng nêu tại Điều 3.1;
- 1.3** *Cơ Quan Nhà Nước* là các cơ quan, chính quyền các cấp của Việt Nam hay người có thẩm quyền của các cơ quan đó, có quyền, trách nhiệm cấp các văn bản hành chính liên quan đến Hợp Đồng hoặc yêu cầu Các Bên cung cấp, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật;
- 1.4** *Công Tơ* là công tơ đo đếm, là thiết bị đo đếm điện năng thực hiện tích phân công suất theo thời gian, lưu và hiển thị giá trị điện năng đo đếm được;
- 1.5** *Địa Điểm Sử Dụng Điện* là địa điểm được Bên B đăng ký với Bên A để Bên A cấp điện và Bên B sử dụng điện theo quy định của Hợp Đồng;
- 1.6** *Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm* là giá trị của tài sản bảo đảm được Các Bên ghi nhận tại Điều 3.1.a;
- 1.7** *Hợp Đồng* là Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt này được ký kết giữa Các Bên và các bản Phụ lục, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
- 1.8** *Lãi Suất Chậm Trả* bằng [hai bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật về dân sự], được Bên A thông báo cho Bên B khi phát sinh việc áp dụng Lãi Suất Chậm Trả theo quy định của Hợp Đồng;
- 1.9** *Nghĩa Vụ Thanh Toán* là toàn bộ nghĩa vụ của Bên B đối với việc thanh toán khoản tiền phát sinh từ Hợp Đồng cho Bên A, không chỉ bao gồm tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền lãi chậm trả, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm, chi phí ngừng, cấp điện trở lại, bổ sung Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm theo đúng quy định tại Hợp Đồng;
- 1.10** *Pháp Luật* là toàn bộ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam có liên quan đến hoặc điều chỉnh mối quan hệ giữa Bên A và Bên B theo Hợp Đồng, bao gồm những quy định được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

- 1.11** *Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng* là quy trình được áp dụng để xử lý việc chấm dứt Hợp Đồng, được quy định tại Điều 17.2;
- 1.12** *Thiết Bị Đo Đếm Điện* là thiết bị đo công suất, điện năng, dòng điện, điện áp, tần số, hệ số công suất, bao gồm các loại công tơ, các loại đồng hồ đo điện và các thiết bị, phụ kiện kèm theo;
- 1.13** *Thời Hạn* là thời hạn của Hợp Đồng được xác định theo Điều 19.2;
- 1.14** *Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán* là hành vi của Bên B không thực hiện đầy đủ và/hoặc không thực hiện đúng Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG**

**2.1.** Địa điểm sử dụng điện: [•]

**2.2.** Mục đích sử dụng điện: [•]

**2.3.** Cấp điện áp: [•] kV

**2.4.** Công suất, điện năng sử dụng:

a. Công suất:

Cực đại  $P_{\max}$ : [•] kW    Trung bình  $P_{TB}$ : [•] kW    Nhỏ nhất  $P_{\min}$ : [•] kW

Biểu đồ phụ tải, đặc tính kỹ thuật công nghệ của thiết bị sử dụng điện Bên B đăng ký (nếu có) là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng

b. Điện năng sử dụng trung bình:  $A_{TB}$ : [•] kWh/tháng.

c. Mua công suất phản kháng (Có/Không):

**2.5.** Điểm đấu nối cấp điện:

**2.6.** Đo đếm điện năng:

a. Số điểm đo: [•], chi tiết các điểm đo: (hoặc theo Phụ lục [•] kèm Hợp Đồng

Điểm đo	Vị trí điểm đo	Thiết bị đo đếm	Loại/ Tỷ số	Cấp CX	Sở hữu	Trách nhiệm quản lý
1		Công tơ				
		TI/CT				
		TU/VT				
	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Biên Bản Treo, Tháo, kiểm định Các Thiết Bị Đo Đếm Điện là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng.

b. Vị trí xác định chất lượng điện: [•]

**2.7.** Ghi chỉ số đo điện năng:

a. Số kỳ [•] kỳ/ tháng                      Ngày ghi chỉ số: [•]

b. Hình thức ghi chỉ số đo điện năng: [•]

**2.8.** Giá bán điện:

Điểm đo	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ	Giá bán điện chưa có thuế giá trị gia tăng (đồng/ kWh)			
			Không theo thời gian	Theo thời gian		
				Giờ bình thường	Giờ cao điểm	Giờ thấp điểm
1						
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Biên bản thỏa thuận tỷ lệ mục đích sử dụng điện (nếu có) là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng.

**2.9.** Ranh giới sở hữu tài sản: [•]

**2.10.** Ranh giới quản lý vận hành: [•]

### **ĐIỀU 3: THỎA THUẬN CỤ THỂ**

**3.1.** Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng (Có/Không):

a. Giá trị: [•] đồng

b. Hình thức (Bảo lãnh ngân hàng/ Đặt cọc bằng tiền):

c. Thời hạn Bên B gửi cho Bên A tài liệu xác nhận/chứng minh hoàn tất việc xác lập Biện Pháp Bảo Đảm: trong vòng [•] ngày kể từ ngày Hợp Đồng được Các Bên ký kết (sau đây được gọi là *Ngày Xác Nhận Bảo Đảm*).

Những tài liệu được Bên B cung cấp có giá trị xác nhận/chứng minh đã hoàn tất việc xác lập Biện Pháp Bảo Đảm (bao gồm nhưng không giới hạn Giấy bảo lãnh/chứng thư bảo lãnh của ngân hàng có nội dung cam kết bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng vô điều kiện, không hủy ngang, tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký bảo lãnh) và những tài liệu khác liên quan đến việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng này.

**3.2.** Thanh toán:

a. Quy định này áp dụng đối với mọi khoản thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng.

b. Thời hạn thanh toán: [•] ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu theo hình thức được quy định tại Điều 3.3.

c. Phương thức thanh toán (Trích nợ tự động/ Thanh toán điện tử/ Chuyển khoản/ Qua điểm thu/Khác): [•]

**3.3.** Thi hành và hình thức thông báo:

a. Các Bên thống nhất tại Hợp Đồng này rằng, [Công ty Điện lực/Điện lực...] là đơn vị trực thuộc Bên A, được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của Pháp Luật, với các thông tin cụ thể nêu tại Điều 3.3.b sẽ đại diện cho Bên A chịu trách nhiệm triển khai, quản lý và thực hiện Hợp Đồng. Theo đó, chứng từ thanh toán đối với mọi khoản thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng sẽ được [Công ty Điện lực/Điện lực...] phát hành cho Bên B và Bên B thực hiện việc thanh toán cho [Công ty Điện lực/Điện lực...].

b. Địa chỉ nhận thông báo:

- (i) Bên A: Gửi cho Chủ thể đại diện cho Bên A quản lý, thực hiện Hợp Đồng với các thông tin dưới đây:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC/ĐIỆN LỰC: [•];

MST: [•]

Tài khoản ngân hàng số: [•] tại ngân hàng: [•]

Địa chỉ: [•]

Email: [•] Điện thoại/SMS: [•] Ứng dụng nhắn tin: [•]

Ứng dụng CSKH: [•]; Website: [•].

- (ii) Bên B: Địa chỉ: [•]

- Thông báo về thanh toán:

Email: [•] Điện thoại/SMS: [•] Ứng dụng nhắn tin: [•];

- Thông báo về ngừng, giảm cung cấp điện:

Email: [•] Điện thoại/SMS: [•] Ứng dụng nhắn tin: [•];

- Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp Đồng:

Email: [•] Điện thoại/SMS: [•] Ứng dụng nhắn tin: [•].

- c. Hình thức thông báo: các thông báo sẽ được gửi bằng một trong các hình thức: thư điện tử (email), điện thoại, tin nhắn (SMS), ứng dụng nhắn tin, ứng dụng CSKH, thông qua website theo các địa chỉ nhận thông báo tại Điều 3.3.b và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

**3.4. Các thỏa thuận cụ thể khác: [•]**

Bằng việc đồng ý giao kết Hợp Đồng này với Bên A, Bên B hiểu, đồng ý và cam kết với các nội dung sau:

a. Chính sách bảo mật thông tin

- Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân và các điều khoản liên quan đến việc thu thập, xử lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên B là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này. Chính sách bảo mật này có hiệu lực kể từ thời điểm Bên B ký kết Hợp Đồng và được công bố công khai trên website chính thức của Bên A.
- Bên B cam kết đã đọc, tự nguyện và biết rõ và đồng ý với Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân đã được công bố trên website chính thức của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm theo dõi và cập nhật các sửa đổi, bổ sung về Chính sách bảo mật và các quy định liên quan, như một phần của Hợp Đồng này.
- Bên B xác nhận đã được Bên A cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin về sản phẩm, dịch vụ và Hợp Đồng; bao gồm cả Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân. Bên A đã giải thích rõ các quyền và nghĩa vụ của Bên B liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định về xử lý dữ liệu.
- Bên B đồng ý cho Bên A được phép sử dụng và/hoặc chia sẻ dữ liệu cá nhân của mình với bên thứ ba có hợp tác với Bên A để phục vụ các mục đích theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Việc chia sẻ dữ liệu sẽ tuân thủ Chính sách bảo mật và các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi của Bên B.

b. Thực hiện an toàn trong sử dụng điện

- Bên B xác nhận đã được Bên A hướng dẫn đầy đủ về việc sử dụng điện an

toàn và đồng ý tuân thủ các hướng dẫn này. Bên B đồng ý chịu trách nhiệm theo dõi, cập nhật các thông tin hướng dẫn về an toàn trong sử dụng điện trên website chính thức của Bên A và cam kết thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

- Bằng việc ký kết hợp đồng này, Bên B xác nhận đã đọc, hiểu và đồng ý với các hướng dẫn về an toàn điện do Bên A cung cấp, đồng thời cam kết tuân thủ nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân và cộng đồng.

#### **ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ**

Các Bên thống nhất rằng hoạt động mua bán điện năng theo Hợp Đồng này phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ khách hàng theo quy định của Pháp Luật.

#### **ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG**

- 5.1** Các Bên thống nhất áp dụng quy định của Pháp Luật để xác định lựa chọn việc mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c của Hợp Đồng.
- 5.2** Trong trường hợp Các Bên lựa chọn có mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền mua công suất phản kháng và việc thực hiện hoạt động mua công suất phản kháng được áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Bên B thanh toán tiền mua công suất phản kháng cùng kỳ thanh toán tiền điện theo quy định tại Điều 3.2 của Hợp Đồng. Thông báo của Bên A về giá trị khoản tiền mua công suất phản kháng cho Bên B sẽ được gửi cùng với thông báo tiền điện theo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng.
- 5.3** Căn cứ quy định của Pháp Luật và Hợp Đồng, Các Bên có thể thỏa thuận về việc (i) dừng mua công suất phản kháng và/hoặc (ii) điều chỉnh việc mua công suất phản kháng khi có thay đổi.

#### **ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG**

- 6.1** Hoạt động đo đếm điện năng được Các Bên thống nhất thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Điện năng sử dụng được xác định thông qua chỉ số đo đếm điện năng và hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện. Hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện được thống nhất và ghi nhận tại Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện.
- 6.2** Khi treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm ghi nhận đầy đủ kết quả và các thông tin cần thiết vào Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện phải có chữ ký của đại diện Các Bên khi hoàn thành công tác treo tháo. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng này. Các Bên có trách nhiệm bảo vệ Thiết Bị Đo Đếm Điện trong phạm vi quản lý của mình. Trường hợp phát hiện Thiết Bị Đo Đếm Điện bị mất hoặc hư hỏng, Các Bên lập biên bản để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của Các Bên có liên quan trong việc sửa chữa, thay thế hoặc bồi thường.
- 6.3** Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển Công Tơ. Bên B phải được sự đồng ý của Bên A khi có nhu cầu di chuyển Công Tơ sang vị trí khác và phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình di chuyển.

## **ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ ĐO ĐIỆN NĂNG**

Căn cứ vào sản lượng điện tiêu thụ bình quân đăng ký trong hợp đồng mua bán điện và thực tế sử dụng, các Bên thống nhất ghi nhận ngày ghi, số kỳ ghi và hình thức ghi chỉ số đo điện năng tại Điều 2.7 của Hợp Đồng theo quy định Pháp luật:

- a) Dưới 50.000 kWh/tháng, ghi chỉ số một lần trong một tháng;
- b) Từ 50.000 đến 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số hai lần trong một tháng;
- c) Trên 100.000 kWh/tháng, ghi chỉ số ba lần trong một tháng.

Các Bên có thể thỏa thuận số lần ghi chỉ số trong tháng nhưng không thấp hơn hơn số lần quy định trên.

Trường hợp ngày, số kỳ ghi chỉ số đo điện năng và hình thức ghi chỉ số đo điện năng thay đổi so với quy định tại Điều 2.7 Hợp Đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước [•] ngày kể từ ngày có sự thay đổi theo hình thức thông báo được quy định tại Điều 3.3.

## **ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

- 8.1** Phạm vi bảo đảm: Các Bên thống nhất rằng Bên B xác lập Biện Pháp Bảo Đảm với phạm vi bảo đảm là toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán.
- 8.2** Việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thống nhất áp dụng theo quy định của Pháp Luật.
- 8.3** Các trường hợp Bên B phải thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

- a. Bên B là khách hàng sử dụng điện (trừ trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 18/2025/NĐ-CP) có sản lượng tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên theo đăng ký tại hợp đồng mua bán điện hoặc sản lượng điện tiêu thụ bình quân đăng ký tại hợp đồng mua bán điện thấp hơn mức này, nhưng sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất từ 1.000.000 kWh trở lên có trách nhiệm phối hợp với bên bán điện sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua bán điện đã ký để bổ sung nội dung về bảo đảm thực hiện hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng [10 đến 15] ngày tiền điện, được tính trên cơ sở sản lượng điện tiêu thụ bình quân tháng đăng ký trong hợp đồng mua bán điện hoặc sản lượng điện tiêu thụ thực tế bình quân 12 tháng gần nhất và giá điện năng giờ bình thường được áp dụng, Các Bên ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Điều 3.1.

- b. Trường hợp Hợp Đồng có Thời Hạn dưới 12 (mười hai) tháng và không thuộc trường hợp tại Điều 8.3.a nêu trên.

Giá trị Tài Sản Bảo Đảm: căn cứ vào cách xác định theo Điều này, Các Bên ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Điều 3.1:

- (i) Trường hợp Thời Hạn dưới 01 (một) tháng: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng sản lượng điện tương ứng theo số ngày Bên B đăng ký sử dụng nhân với giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8;
- (ii) Trường hợp Thời Hạn từ 01 (một) tháng trở lên: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng sản lượng điện Bên B đăng ký sử dụng trong 45 (bốn mươi lăm) ngày nhân với giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8.

- 8.4** Trong trường hợp Bên B phải thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng mà không cung cấp các tài liệu theo Điều 3.1.c, Hợp Đồng này, Hợp Đồng sẽ ngay lập tức bị chấm dứt hiệu lực và Bên A không phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại nào của Bên B phát sinh từ việc đơn phương chấm dứt đó.
- 8.5** Thời hạn bảo đảm:
- Biện Pháp Bảo Đảm được Các Bên lựa chọn tại Điều 3.1 sẽ không hủy ngang và Bên B phải duy trì biện pháp bảo đảm liên tục trong suốt Thời Hạn cộng thêm 15 (mười lăm) ngày làm việc.
- 8.6** Xử lý tài sản bảo đảm:
- a. Ngay sau khi kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b mà Bên B Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn bảo đảm theo Điều 8.5, Bên A lập tức gửi thông báo thanh toán lần hai cho Bên B và được quyền:
    - (i) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là bảo lãnh ngân hàng: ngay lập tức yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng cho Bên B thanh toán vô điều kiện cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cộng với tiền lãi chậm trả đối với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm (nếu có).  
  
Khoản tiền lãi chậm trả được tính bằng giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh chính thức thanh toán khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cho Bên A;
    - (ii) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là đặt cọc bằng tiền: ngay lập tức khấu trừ trực tiếp vào khoản tiền đặt cọc của Bên B cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm;
  - b. Khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm mà theo Điều 8.6 này được thanh toán cho Bên A thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm trong Hợp Đồng được gọi là Khoản Khấu Trừ.
  - c. Quyền, nghĩa vụ của Các Bên sau khi xử lý tài sản bảo đảm theo Điều này sẽ được thực hiện theo Điều 10 của Hợp Đồng. Các Bên đồng ý rằng việc khấu trừ Khoản Khấu Trừ theo Điều này không đồng nghĩa với việc Bên B không bị coi là Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán và vẫn phải chịu trách nhiệm với khoản phạt vi phạm theo Điều 10.
- 8.7** Hằng năm, Bên A và Bên B thỏa thuận giá trị thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng phù hợp với sản lượng điện bình quân sử dụng thực tế trong 12 tháng trước liền kề.

## **ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN**

- 9.1** Giá điện thực hiện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước về mức giá điện. Căn cứ mục đích sử dụng điện của Bên B theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng, Các Bên ghi nhận việc áp dụng mức giá điện tương ứng tại Điều 2.8 của Hợp Đồng.
- 9.2** Trong trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng điện làm thay đổi giá áp dụng



tại Điều 2.8, Bên B phải thông báo cho Bên A trước 15 (mười lăm) ngày để điều chỉnh việc áp giá trong Hợp Đồng theo đúng mục đích sử dụng. Mức giá bán điện mới được áp dụng theo Biên bản thỏa thuận tỷ lệ mục đích sử dụng điện.

- 9.3** Trong trường hợp mức giá điện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước có sự thay đổi thì mức giá điện mới ngay lập tức được áp dụng kể từ thời điểm quy định mới của Cơ Quan Nhà Nước có hiệu lực.

## **ĐIỀU 10: THANH TOÁN**

- 10.1** Hóa đơn thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng được lập theo chu kỳ ghi chỉ số đo điện năng quy định tại Điều 2.7 của Hợp Đồng. Bên A thông báo cho Bên B về việc thanh toán tiền điện tương ứng với số lần ghi chỉ số đo điện năng theo hình thức thông báo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng.
- 10.2** Việc thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán sẽ bằng đồng Việt Nam.
- 10.3** Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán được Các Bên thỏa thuận và ghi tại Điều 3.2 của Hợp Đồng.
- 10.4** Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền điện, tiền mua công suất phản kháng ghi trong hóa đơn được Bên A phát hành trong thời hạn ghi nhận tại Điều 3.2.b, Trường hợp Bên B có Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán tại Điều 10.4 này thì:
- a. Trường hợp Bên B thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:
- (i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cách lần thông báo đầu tiên không dưới 03 (ba) ngày cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán khi phát sinh vi phạm và thực hiện xử lý tài sản đảm bảo theo quy định tại Điều 8.6 của Hợp Đồng.
  - (ii) Nếu Khoản Khấu Trừ đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:
    - Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm.
  - (iii) Nếu Khoản Khấu Trừ không đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:
    - Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm;
    - Thanh toán cho Bên A khoản tiền chênh lệch giữa giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm và Khoản Khấu Trừ (sau đây được gọi là *Khoản Còn Thiếu*) và tiền lãi chậm trả đối với Khoản Còn Thiếu;  
Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng Khoản Còn Thiếu nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả.  
Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c và 11.1.a.
  - (iv) Tới ngày thứ 09 (chín) kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán

theo Điều này, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp điện cho Bên B.

(v) Nội dung thông báo ngừng cấp điện phải ghi nhận rõ:

- Kết thúc thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) mà Bên B không hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A sẽ ngừng ngay việc cấp điện theo Hợp Đồng;
- Thời điểm ngừng cấp điện. Thời điểm ngừng cấp điện phải là thời điểm thỏa mãn: (i) thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) đã kết thúc và (ii) sau 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm có thông báo ngừng cấp điện.

b. Trường hợp không thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cách lần thông báo đầu tiên không dưới 03 (ba) ngày cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán ngay khi phát sinh Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán. Bên B thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, bao gồm cả các khoản sau:

- Khoản tiền lãi chậm trả đối với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm;

Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c. và Điều 11.1.a.

(ii) Tới ngày thứ 09 (chín) kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A thông báo về việc ngừng cấp điện cho Bên B. Nội dung thông báo ngừng cấp điện thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10.4.a.(v).

c. Bên A có quyền ngừng ngay việc cấp điện theo nội dung thông báo ngừng cấp điện gửi cho Bên B. Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào của Bên B và các bên liên quan do việc ngừng cấp điện gây ra.

Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành sau khi Bên B đã hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này cộng thêm khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16.

**10.5** Bên A thu thừa tiền điện do lỗi của Bên A phải hoàn trả cho bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa hoặc bù trừ tiền điện thu thừa vào các lần thanh toán tiền điện sau của bên B. Lãi suất khoản tiền thu thừa bằng Lãi Suất Chậm Trả của Bên B.

**10.6** Bên B thanh toán tiền điện thừa cho Bên A, Bên B có thể yêu cầu Bên A hoàn trả hoặc chuyển tiền điện thừa cho các kỳ thanh toán kế tiếp.

## **ĐIỀU 11: NGỪNG, GIẢM CUNG CẤP ĐIỆN**

**11.1** Các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền ngừng, giảm cung cấp điện cho Bên B khi có phát sinh các sự kiện dưới đây:

- a. Theo quy định tại Điều 10.4 và các quy định khác của Hợp Đồng; và
- b. Theo quy định của Pháp Luật.

**11.2** Khi các sự kiện theo Điều 11.1 phát sinh trên thực tế dẫn đến việc Bên A thực hiện quyền ngừng, giảm cung cấp điện, Bên B và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải thanh toán cho Bên A các khoản chi phí để thực hiện việc ngừng, cấp điện trở lại.

## **ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN**

- 12.1** Có đủ năng lực và chức năng theo quy định của Pháp Luật để ký kết và thực hiện Hợp Đồng.
- 12.2** Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực, tự nguyện và không bị cưỡng ép, đe dọa bởi bất cứ chủ thể nào.
- 12.3** Các thông tin được Các Bên cung cấp phục vụ cho việc ký kết Hợp Đồng và được ghi nhận tại Hợp Đồng này là hoàn toàn đầy đủ, chính xác, đúng sự thật.
- 12.4** Các Bên đã đọc, đã hiểu các quy định của Hợp Đồng và các quy định của Pháp Luật có liên quan. Các Bên xác nhận Hợp Đồng có hiệu lực ràng buộc và khả năng thi hành đối với Các Bên.

## **ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

### **13.1 Quyền của Bên A:**

- a. Yêu cầu Bên B sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích, thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán đầy đủ và đúng hạn;
- b. Yêu cầu bên B sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy;
- c. Được vào khu vực quản lý của Bên B để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên A; kiểm tra, ghi chỉ số đo điện năng và liên hệ với Bên B theo quy định của Pháp Luật;
- d. Được bồi thường thiệt hại do bên B gây ra theo quy định của Pháp Luật;
- e. Được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;
- f. Được Bên B cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết. Được khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu của Bên B phục vụ cho việc ký kết, thực hiện Hợp Đồng;
- g. Được thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng;
- h. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 17;
- i. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

### **13.2 Nghĩa vụ của Bên A:**

- a. Cung cấp điện cho Bên B đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn theo Hợp Đồng và Pháp Luật, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp theo

quy định của Pháp Luật;

- b. Bán điện cho bên B theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- c. Khôi phục kịp thời việc cấp điện cho Bên B theo quy định của pháp luật;
- d. Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên B theo quy định của pháp luật;
- e. Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán theo yêu cầu của bên B;
- f. Cung cấp cho bên B các thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện;
- g. Hướng dẫn cho bên B về việc lắp đặt, sử dụng hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn; cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và biện pháp bảo đảm an toàn điện;
- h. Đầu tư công tơ và đường dây dẫn điện từ lưới điện của bên A đến công tơ cho bên B, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với bên B;
- i. Bảo vệ thông tin của Bên B, không được phép thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Bên B cho Bên thứ ba khác khi chưa được sự đồng ý của Bên B;
- j. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

### **14.1 Quyền của Bên B:**

- a. Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- b. Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- c. Được bồi thường thiệt hại do Bên A gây ra theo quy định của Pháp luật;
- d. Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;
- e. Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện và hướng dẫn về an toàn điện;
- f. Được lựa chọn bên bán điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;
- g. Quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan

### **14.2 Nghĩa vụ của Bên B**

Trong phạm vi hợp đồng này, Bên B không được thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện theo quy định tại Điều 9 Luật Điện lực và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời có các nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán và các thỏa thuận khác theo quy định của Hợp Đồng;
- b. Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện các quy định, chương trình về quản lý nhu cầu điện để bảo đảm hệ thống điện vận hành an toàn, liên tục;

[Trước ngày 31/10 hằng năm, Bên B có trạm biến áp riêng thực hiện đăng ký biểu đồ phụ tải của 12 (mười hai) tháng tiếp theo sát với tình hình thực tế và nhu cầu sử dụng điện; dịch chuyển thời gian sử dụng điện và tiết giảm công suất khi hệ thống gặp khó khăn trong cung ứng điện];

c. Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ thị trường điện cạnh tranh;

d. Sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích theo quy định tại hợp đồng mua bán điện;

e. Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;

f. Thông báo kịp thời cho Bên A (i) về việc Bên B không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; (ii) khi có các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; và (iii) khi Bên B bị thu hồi giấy phép, chấm dứt hoạt động, ra quyết định giải thể, chuyển nhượng dự án/tài sản có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc tuyên bố phá sản;

g. Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng, ghi chỉ số đo điện năng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng;

h. Đầu tư đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Điện lực; thiết kế hệ thống điện trong công trình thuộc phạm vi quản lý đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

i. Bảo đảm đường dây dẫn điện sau công tơ đến nơi sử dụng điện, các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Điện lực;

j. Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên A theo quy định của Pháp luật;

k. Bảo vệ công tơ điện đặt trong phạm vi quản lý của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện; không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của bên bán điện và phải chịu chi phí di chuyển;

l. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

### **15.1 Các hành vi vi phạm của Bên A bao gồm:**

a. Trì hoãn việc cấp điện theo Hợp Đồng, trừ trường hợp nguyên nhân của việc trì hoãn là do lỗi của Bên B hoặc trong trường hợp được ngừng, giảm cung cấp điện theo Hợp Đồng và Pháp Luật;

b. Không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo Điều 4 của Hợp Đồng;

c. Ghi sai chỉ số đo điện năng; tính sai tiền điện trong hóa đơn;

d. Trì hoãn hoặc không bồi thường cho Bên B theo Điều 16;

- e. Các hành vi khác vi phạm các quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

**15.2** Các hành vi vi phạm của Bên B bao gồm:

- a. Trì hoãn việc thực hiện Hợp Đồng đã ký;
- b. Sử dụng điện sai mục đích ghi tại Điều 2.2 Hợp Đồng;
- c. Sử dụng quá công suất đã đăng ký vào giờ cao điểm;
- d. Không thanh lý Hợp Đồng khi không sử dụng điện năng;
- e. Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán;
- f. Trì hoãn hoặc không bồi thường thiệt hại cho Bên A theo Điều 16;
- g. Tự ý cung cấp điện cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng điện;
- h. Không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện.
- i. Không sử dụng điện 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A.
- j. Các hành vi khác vi phạm các quy định tại Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

**15.3** Nếu một Bên vi phạm các nghĩa vụ, các cam kết, bảo đảm của mình tại Hợp Đồng này thì phải chấm dứt mọi hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn hợp lý theo thông báo của Bên bị vi phạm.

**ĐIỀU 16: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

**16.1** Các Bên chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp Đồng khi có những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên còn lại. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm được áp dụng theo Điều này, Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật.

**16.2** Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có bất cứ hành vi vi phạm Hợp Đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên còn lại, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định theo quy định của Pháp Luật.

Ngoài việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 16.2, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên còn lại, Bên vi phạm sẽ phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng đối với hành vi vi phạm đó. Mức phạt vi phạm được tính bằng 08 (tám) % giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm. Giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm được xác định theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Bên B đã thanh toán cho Bên A trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu.

**16.3** Chậm thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

- a. Đối với khoản tiền phạt vi phạm do Bên B vi phạm Hợp Đồng:
  - (i) Đối với khoản tiền phạt vi phạm phát sinh theo Điều 10.4: Nếu Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn được nêu tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) hoặc thời hạn

nêu tại Điều 10.4.b.(i), Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

- (ii) Đối với các khoản tiền phạt vi phạm khác phát sinh từ việc Bên B vi phạm Hợp Đồng: Bên B phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có thông báo của Bên A về nghĩa vụ phạt vi phạm của Bên B. Quá thời hạn này mà Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm, Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

- b. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

Bên B có Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Bên A khoản bồi thường thiệt hại phát sinh trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Trường hợp Bên B chậm thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại, Bên B vi phạm sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả trên khoản tiền bồi thường thiệt hại cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

- c. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại và khoản tiền phạt vi phạm do Bên A vi phạm Hợp Đồng:

- (ii) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm của Bên A đối với Bên B, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường và tiền phạt mà hai Bên đã thống nhất trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo chính thức của Bên B. Quá thời hạn trên mà Bên A chưa thanh toán đủ thì Bên B có quyền chậm thanh toán tiền điện với giá trị không quá khoản tiền Bên A chậm thanh toán cho đến khi Bên A thanh toán và Bên B không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào do chậm thanh toán tiền điện trong phạm vi Điều này.

- (iii) Nếu Bên A đã thanh toán cho Bên B đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại, khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn nêu tại Điều 16.4.c.(i), Bên B phải thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán Nghĩa Vụ Thanh Toán bình thường theo Hợp Đồng.

## **ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

**17.1** Hợp Đồng sẽ chấm dứt theo một trong các căn cứ dưới đây:

- a) Kết thúc Thời Hạn mà Các Bên không thỏa thuận gia hạn Hợp Đồng hoặc Bên B không có phản hồi theo Điều 19.4.
- b) Các Bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn.
- c) Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn khi Bên A có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ thông báo trước cho Bên A về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng.
- d) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn trong các trường hợp dưới đây:

- (i) Bên B có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3;
- (ii) Bên B là tổ chức, hộ kinh doanh bị chấm dứt hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị giải thể, bị tuyên bố phá sản, không còn quyền sử dụng Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp Luật; là cá nhân mất tích, chết, không còn quyền sử dụng Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp Luật. Bên A có quyền thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng ngay lập tức khi phát sinh các sự kiện theo quy định này.

## 17.2 Quy trình chấm dứt Hợp Đồng:

- a. Ngay sau khi phát sinh các trường hợp hoặc kết thúc thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có thông báo về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng của một Bên theo quy định tại Điều 17.1, các Bên tiến hành:
  - (ii) Bên A gửi thông báo ngay cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt Hợp Đồng.
  - (iii) Bên A ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó.
  - (iv) Bên A xác định chỉ số đo điện năng, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn. Việc xác định được thực hiện tại Địa Điểm Sử Dụng Điện tính đến thời điểm ngừng cấp điện theo thông báo, không phụ thuộc vào việc điện năng được Bên B hay bất kỳ một bên nào khác sử dụng. Số tiền điện phải thanh toán được xác định theo Điều này do Bên B gánh chịu.
  - (v) Bên B thực hiện thanh toán toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện.
  - (vi) Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có): Bên A xác định về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng và xác định ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền cho Bên B. Bên A chỉ giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền sau khi Bên B đã thực hiện xong việc thanh toán toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp đồng (nếu có).

Trường hợp Hợp đồng chấm dứt do hành vi vi phạm của Bên B hoặc theo thỏa thuận của các Bên trong các trường hợp khác, Bên A có quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán của Bên B. Bên B tiếp tục thanh toán Nghĩa Vụ Thanh Toán còn thiếu hoặc được hoàn trả Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại (nếu có).
- b. Sau khi Các Bên hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp đồng:
  - (i) Trường hợp chấm dứt theo Điều 17.1.a, các Bên thống nhất Hợp Đồng sẽ tự động chấm dứt khi kết thúc Thời Hạn.
  - (ii) Các trường hợp còn lại, Bên A gửi Bên B dự thảo Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Bên B xác nhận đồng ý bằng cách ký vào Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản chấm dứt Hợp Đồng nhưng không ký Biên bản chấm dứt Hợp Đồng và không có văn bản gửi cho Bên A nêu rõ lý do, Bên A



có quyền hiểu là Bên B đã đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng chấm dứt theo nội dung Biên bản chấm dứt Hợp Đồng.

- c. Đối với các trường hợp do lỗi của Bên B hoặc các trường hợp khác mà Các Bên không thể tiến hành Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng theo Điều 17.2 này, việc chấm dứt Hợp Đồng được thực hiện theo quyết định của Cơ Quan Nhà Nước thông qua quá trình giải quyết tranh chấp hoặc theo quy định của Pháp Luật.

## **ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên sẽ cùng nhau tiến hành thương lượng để tìm ra giải pháp giải quyết tranh chấp tối ưu. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà Các Bên không đạt được thỏa thuận, một trong Các Bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

## **ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

- 19.1** Hiệu lực của Hợp Đồng: Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai bên ký kết và Bên A nhận được tài liệu xác nhận/chứng minh hoàn tất việc xác lập Biện Pháp Bảo Đảm của Bên B (trường hợp Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng).

**19.2** Thời Hạn của Hợp Đồng:

- a. Thời Hạn của Hợp Đồng do Các Bên thỏa thuận nhưng không vượt quá thời hạn mà Bên B có quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện.

Việc xác định quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Bên B đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện căn cứ vào các tài liệu được Bên B chủ động cung cấp hoặc theo yêu cầu của Bên A. Các tài liệu này sẽ được đính kèm Hợp Đồng.

- b. Căn cứ theo Điều 19.2.a, Các Bên thỏa thuận và thống nhất ghi nhận Thời Hạn của Hợp Đồng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày [•].

- 19.3** Thời Hạn có thể được điều chỉnh hoặc gia hạn theo thỏa thuận giữa Các Bên và phải được quy định thành phụ lục đính kèm Hợp Đồng.

- 19.4** Bên A thông báo trước cho Bên B về việc hết Thời Hạn ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày Hợp Đồng này hết hiệu lực để Các Bên tiến hành việc thỏa thuận gia hạn hoặc chấm dứt Hợp Đồng. Bên B phản hồi lại về việc gia hạn hoặc chấm dứt Hợp Đồng trong thời hạn [•] ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Bên A thực hiện ngay việc ngừng bán điện kể từ ngày hết Thời Hạn nếu không nhận được phản hồi từ Bên B.

- 19.5** Đối với trường hợp tại Điều 19.4, Các Bên thống nhất về việc gia hạn Hợp Đồng:

- a. Các Bên hoàn thành việc ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung về gia hạn Hợp Đồng trước ngày Hợp Đồng hết hiệu lực. Thời gian gia hạn của Hợp Đồng không vượt quá thời hạn mà Bên B có quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện;

- b. Đối với trường hợp có áp dụng Biện Pháp Bảo Đảm, Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh ngân hàng hoặc chấp thuận kéo dài thời gian hình thức đặt cọc bằng tiền tương ứng với hiệu lực của Hợp Đồng và Thời Hạn gia hạn. Giá trị

Tài sản Bảo đảm trong Thời hạn gia hạn được điều chỉnh theo Điều 8.7 (nếu cần thiết).

## **ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

### **20.1 Thông báo và liên lạc**

- a. Một thông báo được đưa ra theo Hợp Đồng này phải bằng văn bản và gửi cho người nhận là cá nhân, tổ chức có liên quan đến địa chỉ được quy định tại Điều 3.3.b (hoặc địa chỉ hoặc người nhận khác theo thông báo của mỗi Bên cho Bên còn lại trong từng trường hợp) bằng các hình thức tại Điều 3.3.c.
- b. Căn cứ theo quy định này, Các Bên thỏa thuận và ghi nhận các nội dung quy định về hình thức thông báo và địa chỉ gửi thông báo tại Điều 3.3.

**20.2** Việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng được thực hiện bằng cách ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hoặc theo thông báo của Bên A.

**20.3** Việc giải thích và thực hiện Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi Pháp Luật. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung của Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật, Các Bên thống nhất áp dụng quy định Pháp Luật để điều chỉnh vấn đề đó.

**20.4** Trường hợp bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng bị vô hiệu hoặc không thể thi hành, thì quy định đó sẽ không có hiệu lực và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định còn lại trong Hợp Đồng. Khi đó, Hợp Đồng này sẽ được hiểu và giải thích theo các quy định còn lại của Hợp Đồng. Các Bên sẽ cùng nhau, trên tinh thần hợp tác, thiện chí, nỗ lực để thay thế quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành đó bằng một quy định khác có hiệu lực và có thể thi hành, với nội dung phù hợp nhất với quy định bị thay thế.

**20.5** Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực. Hợp Đồng là kết quả của việc đàm phán giữa Các Bên và sẽ không bị suy đoán rằng một điều khoản không rõ nghĩa nào cần phải được giải thích theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho bất kỳ Bên nào.

**20.6** Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mà Bên B có nhu cầu dịch Hợp Đồng sang ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, nếu có sự không thống nhất giữa nội dung bản dịch và bản gốc tiếng Việt thì nội dung của bản gốc tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Hợp Đồng được Các Bên xác nhận và ký kết đầy đủ thông qua hình thức như dưới đây.  
*Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng văn bản giấy:*

Hợp Đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt với đầy đủ chữ ký của Các Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

*Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng điện tử:*

Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt, và được lưu trữ tại hệ thống phương tiện lưu trữ điện tử của Bên A tại website [•] và/hoặc ứng dụng [•]. Bên B có quyền truy cập để tra cứu nội dung Hợp Đồng này.

**Đại diện Bên A**

**Đại diện Bên B**

**DANH SÁCH PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM THEO**  
**HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**  
**SỐ:[•]/TCTĐL[•]/HĐMBĐNMĐSH**

<b>Số phụ lục</b>	<b>Tên phụ lục</b>	<b>Ghi chú</b>
01		
02		
03		
04		
05		
...		